

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Trí
2. Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đào Thị M, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Tổ X, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn L, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Tổ X, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đào Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Bà M và ông L kết hôn vào năm 1991 do mai mối, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Trong thời gian đầu, gia đình sống hạnh phúc, khoảng ba năm gần đây, ông L có mối quan hệ ngoài vợ chồng với người phụ nữ khác, có hành vi gia trưởng, bạo lực với vợ con. Gia đình nhiều lần khuyên can nhưng ông L không khắc phục. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà cảm thấy bất an vì sẽ bị

hành hạ, bạo lực nên bà quyết định xin ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn L1, sinh năm 1993 và Nguyễn Thanh S, sinh năm 1997. Hai con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- * Tòa án nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn L nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

- * Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

- + *Về chấp hành pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- + *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

1.1 *Quan hệ tranh chấp*: Tranh chấp giữa bà Đào Thị M và ông Nguyễn Văn L là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 *Thẩm quyền giải quyết*: Ông Nguyễn Văn L hiện đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 *Về sự có mặt của đương sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

2.1 *Về hôn nhân*: Bà Đào Thị M và ông Nguyễn Văn L có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 290-KH ngày 16/11/2002. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được

pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện để bà M và ông L được đoàn tụ, nhưng bà M cương quyết ly hôn, ông L không đến Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy ông L không có mong muốn được hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà M. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2020, anh Nguyễn Văn L1 – là con chung của bà M và ông L – trình bày: “Nguyên nhân mẹ anh xin ly hôn với ba anh là do ba anh đang sống như vợ chồng với một người phụ nữ khác, sau đó ba anh về nhà kiếm chuyện và đánh mẹ anh. Hiện nay ba anh đang chung sống với người phụ nữ đó ở nhà trọ cách nhà anh khoảng 2km – 3 km. Anh em của anh không muốn ba mẹ kéo dài tình trạng hôn nhân không hạnh phúc, không muốn ba anh về nhà gây chuyện, đánh đập vợ con. Ông bà nội của anh đã mất, ngoại đã lớn tuổi, không ai khuyên giải được ba anh. Do đó, anh đề nghị Tòa án cho mẹ anh được ly hôn với ba anh”. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị M.

2.2 Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Văn L1, sinh năm 1993 và Nguyễn Thanh S, sinh năm 1997. Hai con đã trưởng thành, bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị M. Bà Đào Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 290-KH ngày 16/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Bà Đào Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006968 ngày 08/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo:* Bà Đào Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2020). Ông Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Giao